



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn

Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1569

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 11/08/2026 đến ngày 17/08/2026)

A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

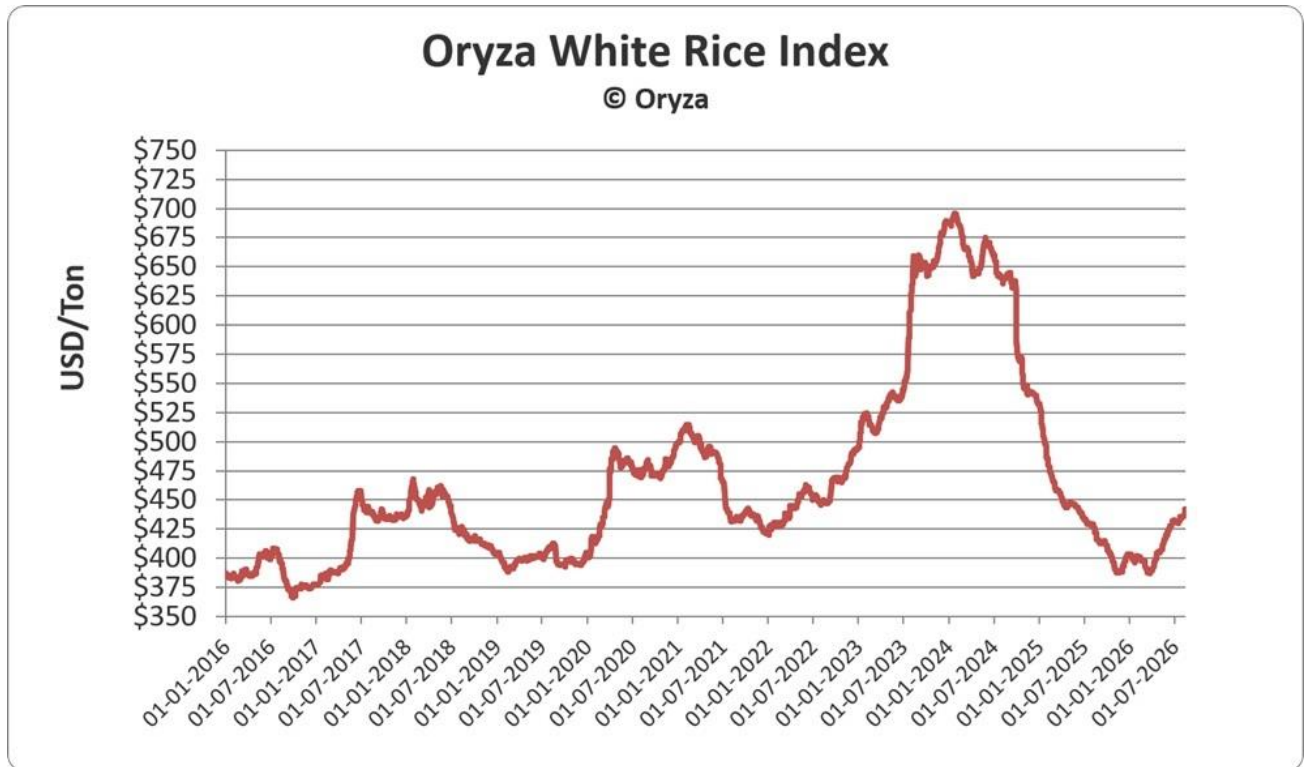
I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

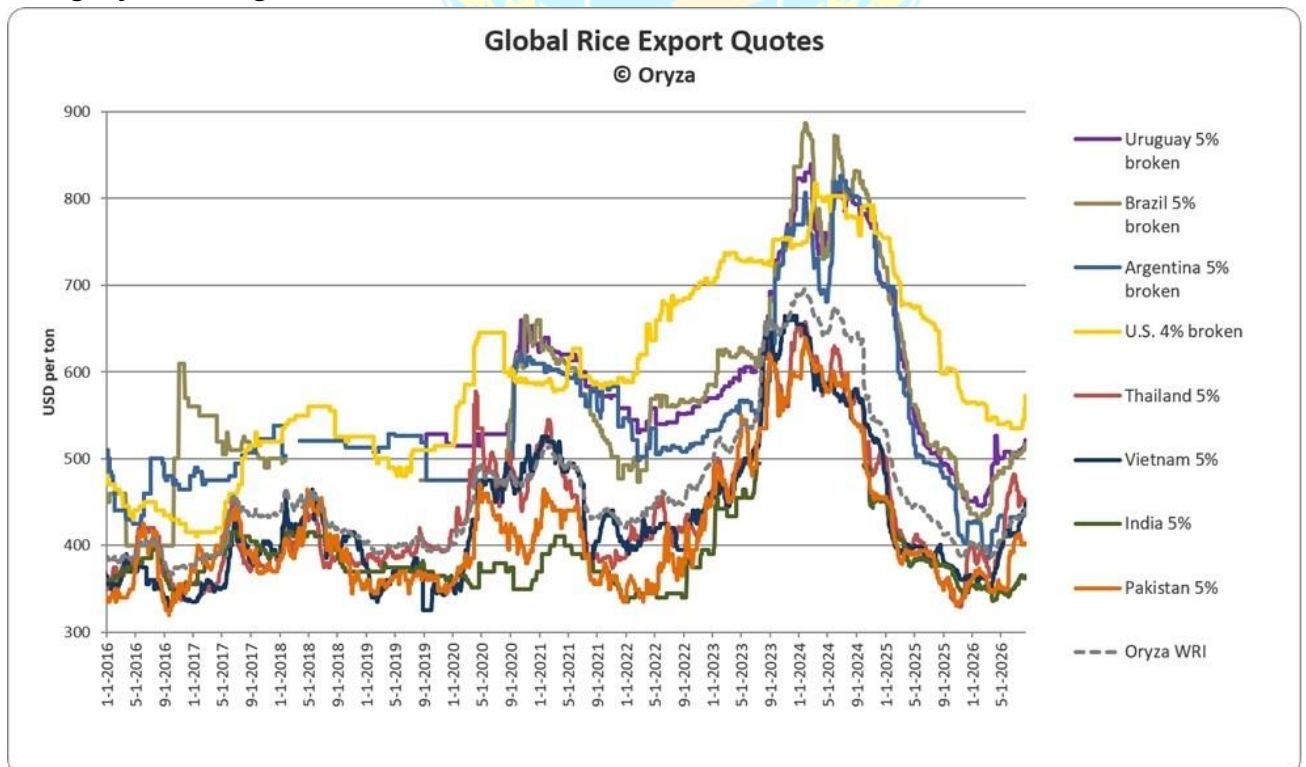
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	11 – 08		12 – 08		13 – 08		14 – 08	
		min	max	min	max	min	max	min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	461	465	460	464	460	464	458	462
	5% tấm	451	455	450	454	450	454	448	452
	25% tấm	420	424	419	423	419	423	416	420
	Hom Mali 92%	1143	1147	1143	1147	1143	1147	1148	1152
	Gạo đỏ 100% Stxd	461	465	461	465	461	465	458	462
	A1 Super	372	376	371	375	371	375	365	369
VIỆT NAM	5% tấm	438	442	438	442	438	442	445	449
	25% tấm	408	412	408	412	408	412	421	425
	Gạo thơm 5% tấm	500	505	500	510	500	510	500	510
	Jasmine	538	542	539	543	539	543	539	543
	100% tấm	370	374	371	375	371	375	376	380
ẤN ĐỘ	5% tấm	361	365	363	367	363	367	360	364
	25% tấm	348	352	348	352	348	352	346	350
	Gạo đỏ 5% Stxd	366	370	366	370	366	370	366	370
	100% tấm Stxd	296	300	296	300	296	300	299	303
PAKISTAN	5% tấm	400	404	400	404	400	404	401	405
	25% tấm	375	379	375	379	375	379	376	380
	100% tấm Stxd	311	315	311	315	311	315	312	316
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	466	470	474	478	474	478	472	476
MỸ	4% tấm	556	560	556	560	556	560	571	575
	15% tấm (Sacked)	573	577	573	577	573	577	573	577
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	895	899	895	899	895	899	895	899

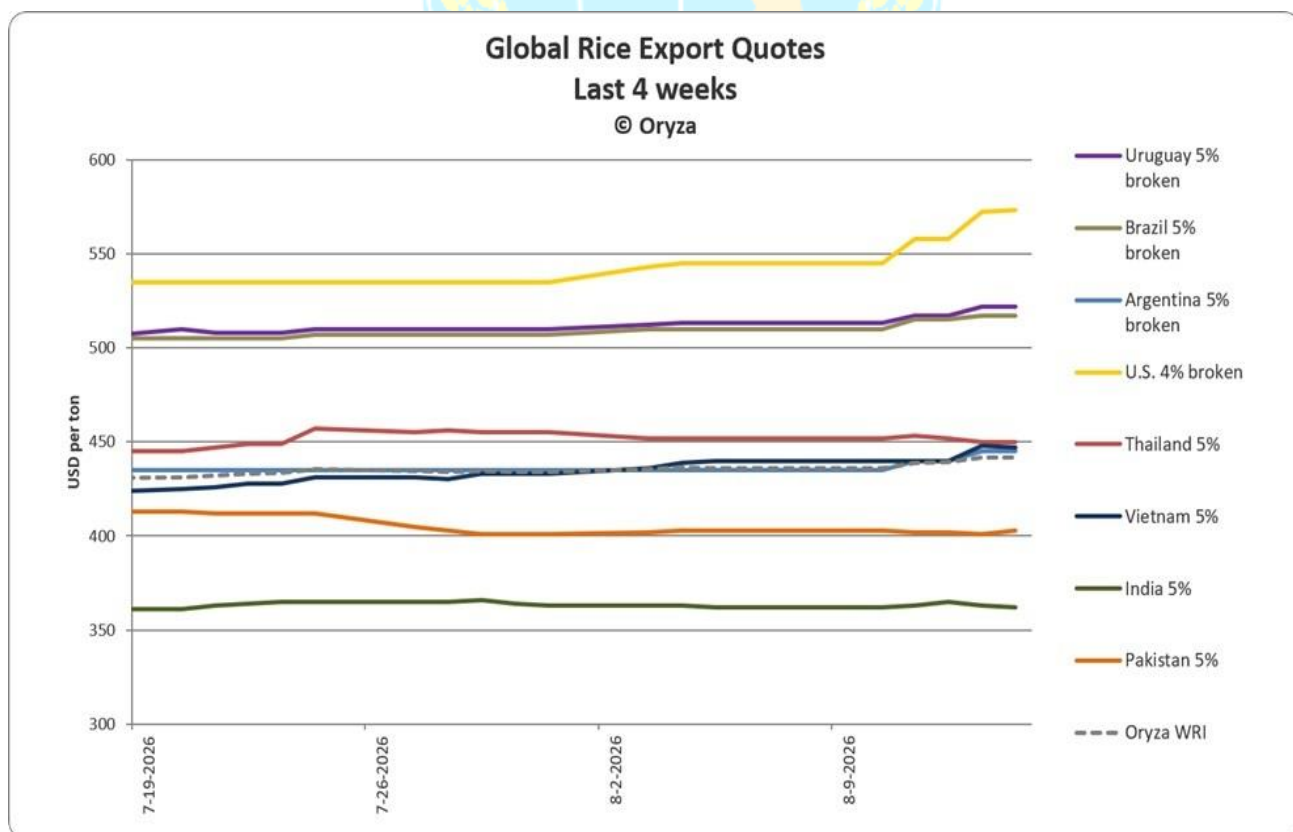
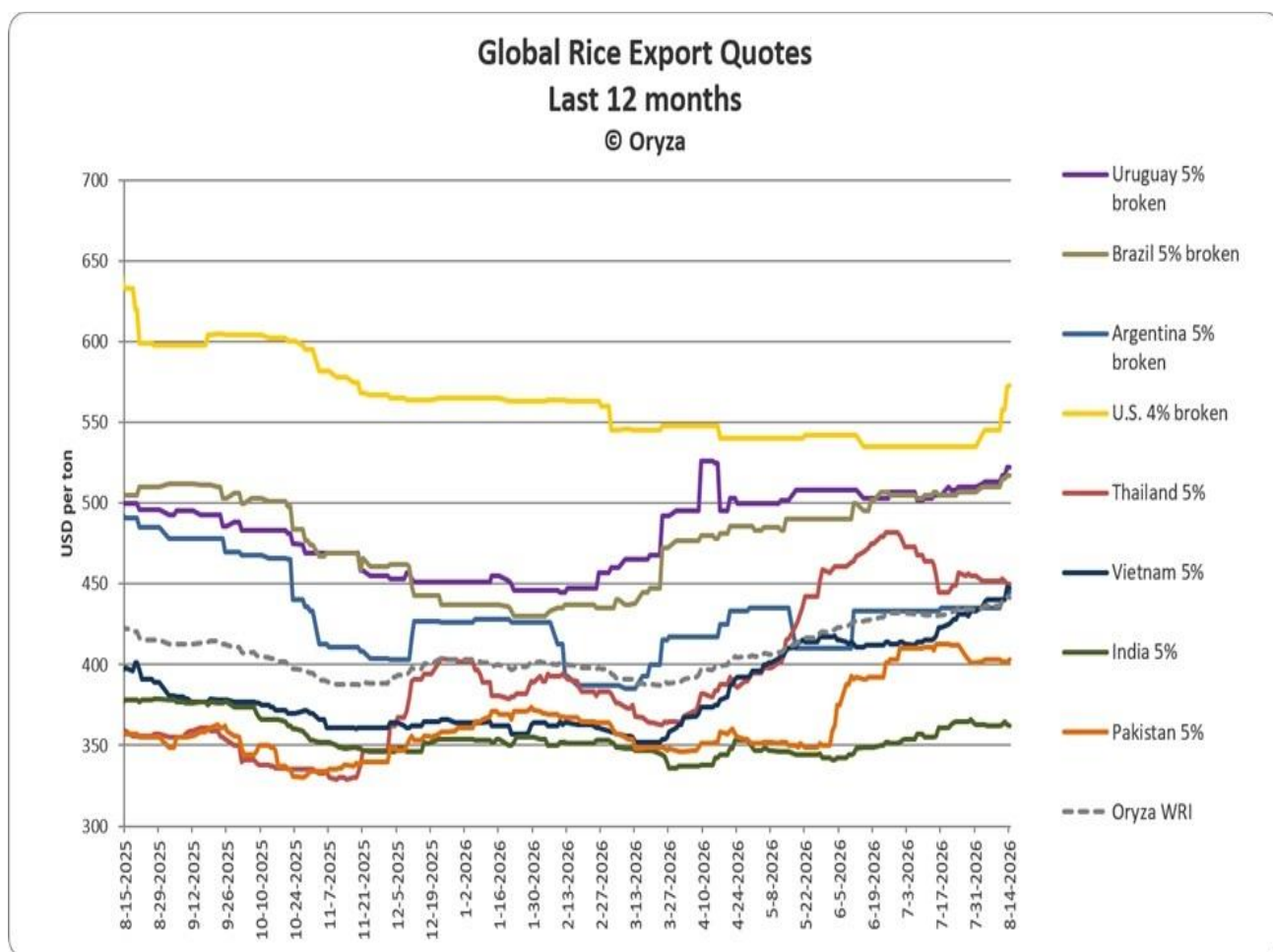
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

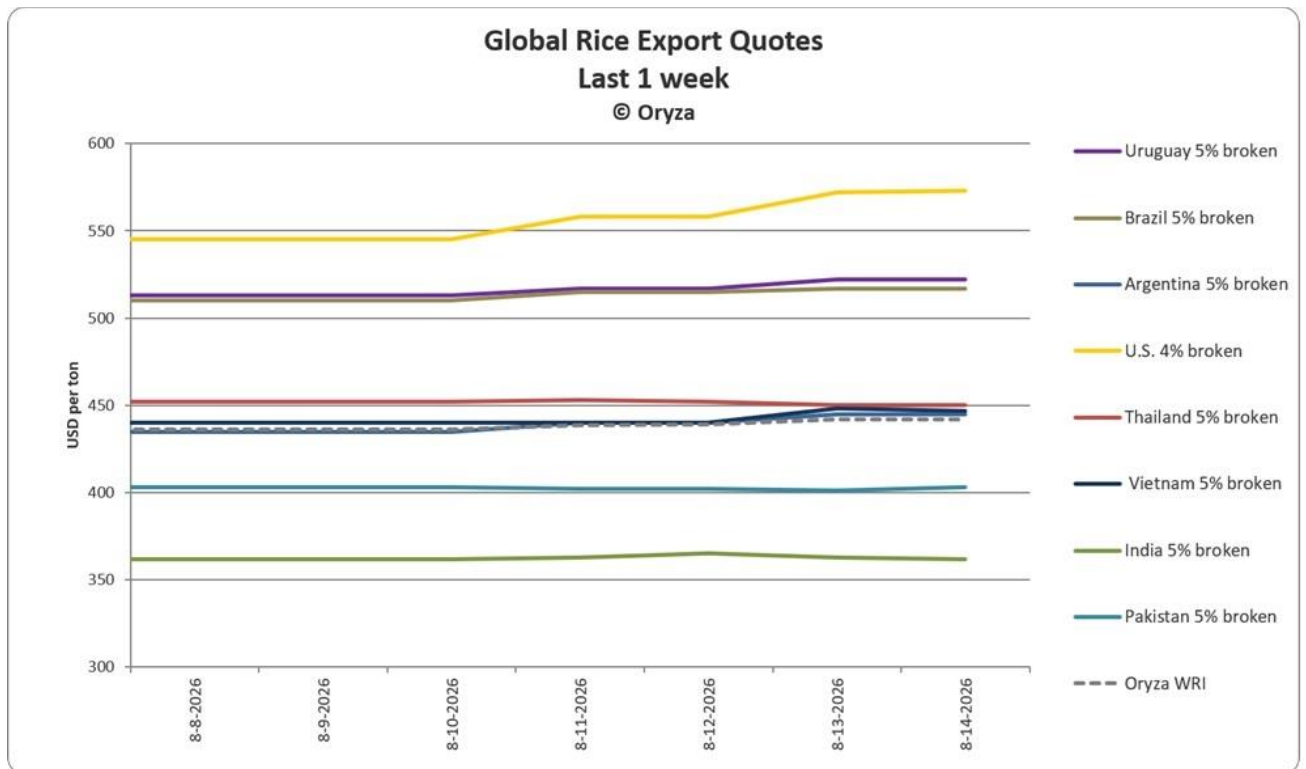
*Tổng quan thị trường:



Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 442 USD/tấn, tăng 6 USD/tấn so với tuần trước và tăng 11 USD/tấn so với tháng trước, và tăng 20 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.







Báo cáo Ước tính Cung và Cầu Nông sản Thế giới của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), cho thấy thị trường gạo toàn cầu đang dần thắt chặt trong niên vụ 2026/27, với sản lượng gạo xay xát toàn cầu được dự báo đạt 537,27 triệu tấn, giảm khoảng 1,5% so với niên vụ 2025/26, trong khi tiêu thụ dự kiến tăng lên mức kỷ lục 542,8 triệu tấn. Nhập khẩu gạo toàn cầu được dự báo tăng 5,6% lên 60,24 triệu tấn, trong khi xuất khẩu được dự báo đạt 62,78 triệu tấn, với Ấn Độ tiếp tục là nước xuất khẩu lớn nhất ở mức 25 triệu tấn. Tồn kho cuối kỳ toàn cầu dự kiến giảm xuống 192,63 triệu tấn, tuy nhiên, tình trạng thắt chặt nguồn cung càng trở nên rõ nét hơn khi loại trừ Trung Quốc: lượng tồn kho bên ngoài Trung Quốc được dự báo giảm 7,6% xuống còn 85,63 triệu tấn, đồng thời lượng tồn kho của năm quốc gia xuất khẩu lớn cũng được dự báo sẽ sụt giảm. Nhìn chung, báo cáo cho thấy nhu cầu tăng mạnh, sản lượng sụt giảm và lượng tồn kho sẵn có trên thị trường quốc tế giảm xuống có thể tạo động lực hỗ trợ giá gạo toàn cầu trong niên vụ 2026/27.

Thị trường gạo toàn cầu có thể trở nên khan hiếm hơn trong niên vụ 2026/27 do hiện tượng El Niño có nguy cơ diễn biến mạnh và kéo dài đe dọa sản xuất tại các khu vực trồng lúa trọng điểm. Sản lượng toàn cầu được dự báo giảm khoảng 9 triệu tấn xuống còn 536,4 triệu tấn, trong khi nhập khẩu có thể tăng gần 4 triệu tấn lên 59,7 triệu tấn khi các quốc gia tìm cách đảm bảo nguồn cung. Lượng tồn kho chuyển sang từ niên vụ 2025/26 ở mức cao sẽ giúp ngăn chặn tình trạng thiếu hụt ngay lập tức, nhưng tỷ lệ tồn kho trên mức sử dụng toàn cầu dự kiến giảm xuống khoảng 36%, khiến bộ đệm nguồn cung

trước các rủi ro thời tiết hoặc gián đoạn nguồn cung bất ngờ trở nên mỏng hơn. Tác động của El Niño sẽ khác nhau giữa các quốc gia như Ấn Độ, Thái Lan, Việt Nam, Indonesia và Trung Quốc, trong khi chi phí phân bón, nhiên liệu và cước vận tải cao hơn có thể tiếp tục gây áp lực lên giá. Đối với Ấn Độ, tình hình đặc biệt quan trọng do nước này giữ vai trò lớn trong sản xuất và xuất khẩu gạo toàn cầu. Vì vậy, rủi ro chính không phải là tình trạng thiếu gạo toàn cầu ngay lập tức, mà là sự suy giảm dần của vùng đệm nguồn cung, khiến giá cả và dòng chảy thương mại trở nên nhạy cảm hơn với thời tiết, tồn kho và nhu cầu nhập khẩu.

Thị trường và Thương mại Ngũ cốc Thế giới tháng 8/2026 của USDA nhấn mạnh một thị trường gạo toàn cầu có tính cạnh tranh cao, với giá cả có sự phân hóa giữa các nước xuất khẩu lớn. Gạo Ấn Độ tiếp tục có mức giá rẻ nhất trong số các nhà cung cấp chủ chốt, ở mức 358 USD/tấn, thấp hơn đáng kể so với Việt Nam (437 USD), Thái Lan (458 USD), Uruguay (531 USD) và Mỹ (537 USD), qua đó củng cố lợi thế cạnh tranh xuất khẩu của Ấn Độ. USDA cũng nâng dự báo nhập khẩu gạo năm 2026 của Trung Quốc lên 4,3 triệu tấn, do nhu cầu mua gạo tẩm làm thức ăn chăn nuôi tăng, trong khi dự báo xuất khẩu được nâng lên 2,1 triệu tấn khi giá cạnh tranh thúc đẩy doanh số bán hàng, đặc biệt sang châu Phi. Nhập khẩu của Kenya cũng được điều chỉnh tăng lên 1 triệu tấn nhờ cơ chế tiếp cận miễn thuế. Nhìn chung, xuất khẩu gạo toàn cầu được dự báo tăng lên 62,9 triệu tấn trong niên vụ 2026/27, với Ấn Độ tiếp tục là nước xuất khẩu lớn nhất ở mức 25 triệu tấn, cho thấy sự cạnh tranh mạnh mẽ và những thay đổi trong dòng chảy thương mại trên thị trường gạo toàn cầu.

Tình trạng tắc nghẽn cảng tại châu Á được dự báo sẽ tiếp diễn sang tuần tới khi bão Typhoon Dolphin gây gián đoạn tại các cảng lớn của Trung Quốc như Thượng Hải và Ninh Ba, khiến tàu thuyền chậm trễ tới 5 ngày và tạo ra lượng hàng tồn đọng có thể mất nhiều tuần để giải quyết. Sự gián đoạn này xảy ra trong bối cảnh chi phí vận chuyển vốn đã ở mức cao, với Chỉ số cước vận chuyển container đường biển toàn cầu do Drewry công bố vẫn cao hơn 77% so với năm ngoái, trong khi căng thẳng tại Trung Đông và sự sụt giảm mạnh về lưu lượng tàu qua eo biển Hormuz đang buộc các hãng tàu phải thực hiện những tuyến vận chuyển vòng tránh tốn kém. Đối với gạo và các mặt hàng nông sản khác, sự kết hợp giữa tình trạng ùn tắc tại cảng, thời gian vận chuyển kéo dài và chi phí cước vận tải cao hơn có thể khiến việc vận chuyển qua các trung tâm logistics chủ chốt của châu Á trở nên kém ổn định hơn trong ngắn hạn, mặc dù công suất container toàn cầu vẫn tiếp tục mở rộng.

Nhu cầu vận tải hàng hóa toàn cầu vẫn duy trì khả năng phục hồi bất chấp căng thẳng địa chính trị, thời tiết cực đoan và những gián đoạn thương

mại, với các hãng vận tải biển lớn như Maersk, Hapag-Lloyd và DP World báo cáo sản lượng vận chuyển mạnh và nhu cầu được cải thiện. Tuy nhiên, tình trạng hạn hán trên các tuyến đường thủy quan trọng, ùn tắc tại các cảng của Trung Quốc và Kênh đào Panama, cùng với những cơn bão gần đây ở Đông Á đang tạo ra những hạn chế đáng kể về hoạt động và làm thất chặt năng lực vận chuyển của tàu. Nhu cầu cũng được hỗ trợ bởi lượng hàng hóa liên quan đến quá trình điện khí hóa, bao gồm pin, xe điện, trung tâm dữ liệu và thiết bị năng lượng tái tạo, bên cạnh dòng chảy hàng hóa cơ bản mạnh như ngũ cốc, quặng sắt và thép. Đối với các mặt hàng nông sản như gạo, những áp lực đối với chuỗi cung ứng này có thể khiến chi phí vận tải và thời gian giao hàng tiếp tục biến động, từ đó ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh xuất khẩu và giá giao hàng trên các thị trường toàn cầu.

Malaysia

Liên minh gồm 61 tổ chức nông dân, người tiêu dùng và môi trường tại Malaysia đã kêu gọi Hội đồng An toàn Sinh học Quốc gia bác bỏ đề xuất thử nghiệm trên đồng ruộng có kiểm soát đối với giống lúa biến đổi gen (GM) do Zen Cropsience đề xuất tại phía Bắc bang Perak. Các tổ chức này lo ngại về nguy cơ thụ phấn chéo, gia tăng sử dụng thuốc diệt cỏ, cỏ dại kháng thuốc, chi phí canh tác tăng và các rủi ro tiềm ẩn đối với an toàn thực phẩm.

Giống lúa GM này được phát triển dựa trên giống MR219, có khả năng chịu thuốc diệt cỏ glyphosate và kháng các bệnh do vi khuẩn và nấm gây ra. Các nhóm phản đối viện dẫn những vấn đề từng xảy ra với cỏ dại kháng thuốc diệt cỏ, đồng thời đặt câu hỏi về mức độ an toàn của các gen bổ sung nhằm tạo khả năng kháng bệnh.

Trong khi đó, Hội đồng An toàn Sinh học cho biết thử nghiệm sẽ được thực hiện bên trong nhà lưới chống côn trùng, cách xa các khu vực canh tác, do đó khả năng xảy ra thụ phấn chéo là thấp. Tuy nhiên, dữ liệu độc tính học đối với loại gạo này hiện vẫn chưa được thiết lập.

Cuộc tranh luận cho thấy thách thức rộng hơn của Malaysia trong việc cân bằng giữa công nghệ sinh học và tiềm năng nâng cao năng suất với các yêu cầu về an toàn môi trường, lợi ích của nông dân và an ninh lương thực, đặc biệt trong bối cảnh Malaysia hiện vẫn phải nhập khẩu một phần đáng kể nhu cầu gạo trong nước.

Bangladesh

Bangladesh đang chứng kiến giá gạo tăng bất thường ngay cả trong cao điểm vụ Boro, thời điểm mà nguồn cung tăng thông thường sẽ khiến giá giảm. Giá bán lẻ đã tăng 3–4 taka/kg, do giá lúa nguyên liệu cao, chi phí nhiên liệu

và điện tăng, nhập khẩu bị hạn chế, cùng với mưa lớn gây ảnh hưởng đến quá trình phơi sấy và xay xát gạo.

Giá gạo quốc tế cũng đang tạo thêm áp lực. Chỉ số giá gạo toàn phần của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) đã tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 7.

Mặc dù Chính phủ Bangladesh đang có lượng gạo dự trữ công khá lớn và đã thu mua khoảng 1,5 triệu tấn gạo, các chuyên gia kinh tế đang kêu gọi đẩy nhanh nhập khẩu từ những thị trường có giá rẻ hơn như Ấn Độ, Pakistan và Việt Nam nhằm ngăn giá gạo trong nước tiếp tục tăng.

Bangladesh đã phê duyệt nhập khẩu 100.000 tấn gạo đồ non-basmati từ Việt Nam theo thỏa thuận giữa chính phủ hai nước với giá 416 USD/tấn, tổng chi phí ước tính khoảng 5,15 tỷ taka (41,4 triệu USD).

Thương vụ này đánh dấu động thái đa dạng hóa nguồn cung gạo của Bangladesh ngoài Ấn Độ, quốc gia vốn chiếm ưu thế trên thị trường nhập khẩu của Bangladesh nhờ giá cạnh tranh cũng như kết nối đường bộ và đường thủy thuận tiện.

Thỏa thuận cũng nhằm duy trì lượng dự trữ lương thực và ổn định nguồn cung, giá cả trong nước, thay vì xuất phát từ tình trạng thiếu hụt sản lượng ngay lập tức.

Bangladesh được dự báo sẽ nhập khẩu khoảng 1,5 triệu tấn gạo trong niên vụ 2026/27, tăng từ mức ước tính 1,4 triệu tấn của năm trước, qua đó tiếp tục là một thị trường quan trọng đối với các nước xuất khẩu gạo trong khu vực.

Theo The Daily Star, Bangladesh đã tăng cường giám sát hoạt động xuất khẩu gạo thơm trong bối cảnh giá gạo trong nước tăng mạnh. Chính phủ đang xem xét việc sử dụng 45.270 tấn hạn ngạch xuất khẩu đã được cấp cho 278 nhà xuất khẩu và có thể cắt giảm hoặc hủy các hạn ngạch chưa được sử dụng.

Các cơ quan chức năng cũng đang điều tra liệu việc các nhà máy xay xát lớn tích trữ gạo có góp phần khiến giá tăng hay không.

Bangladesh chưa áp dụng lệnh cấm xuất khẩu trên diện rộng, nhưng động thái này cho thấy chính phủ ngày càng lo ngại về tác động của xuất khẩu gạo thơm đối với giá gạo trong nước.

Indonesia

Diện tích thu hoạch lúa của Indonesia trong giai đoạn tháng 1–9/2026 được ước tính đạt 9,46 triệu ha, chỉ nhỉnh hơn mức 9,45 triệu ha của cùng kỳ năm trước.

Mức tăng gần như đi ngang, chỉ khoảng 0,11%, cho thấy bất kỳ sự gia tăng đáng kể nào về sản lượng gạo của Indonesia trong năm nay nhiều khả

năng sẽ phụ thuộc vào cải thiện năng suất và hiệu quả sản xuất, thay vì mở rộng diện tích canh tác.

Indonesia không dự kiến nhập khẩu gạo trong năm 2026 mặc dù có những rủi ro về sản xuất liên quan đến El Niño. Sản lượng nội địa tăng cùng với lượng dự trữ lớn của chính phủ đang tạo ra một vùng đệm nguồn cung tương đối mạnh.

Sản lượng gạo trong giai đoạn tháng 1–9 được dự báo đạt 28,71 triệu tấn, trong khi Bulog nắm giữ 5,18 triệu tấn gạo tính đến ngày 2/7.

Chính phủ Indonesia cũng đang chuẩn bị cho điều kiện khô hạn bằng cách triển khai hơn 80.000 máy bơm nước, cải thiện hệ thống thủy lợi, thúc đẩy sử dụng các giống lúa chịu hạn và sinh trưởng ngắn ngày, đồng thời điều chỉnh lịch gieo trồng dựa trên điều kiện thời tiết.

Nếu Indonesia duy trì chính sách không nhập khẩu gạo, các nhà cung cấp lớn như Miến Điện, Pakistan, Việt Nam và Thái Lan có thể mất một thị trường xuất khẩu quan trọng và phải tìm cách chuyển lượng gạo dư thừa sang các thị trường khác.

Cuối cùng, khả năng Indonesia tránh nhập khẩu sẽ phụ thuộc vào việc sản lượng nội địa tăng và các biện pháp giảm thiểu tác động của El Niño có đủ để bù đắp những gián đoạn do thời tiết gây ra hay không.

Philippines

Philippines đang đẩy mạnh nhập khẩu gạo, với lượng mua vượt 3 triệu tấn trong giai đoạn tháng 1–7/2026, tăng gần 27% so với cùng kỳ năm trước, theo The Manila Bulletin.

Mức tăng này phản ánh nỗ lực của chính phủ nhằm xây dựng vùng đệm nguồn cung trước các rủi ro sản xuất liên quan đến El Niño, qua đó duy trì nhu cầu nhập khẩu cao mặc dù triển vọng thu hoạch trong nước tương đối thuận lợi.

Mỹ Latinh

Uruguay, giá gạo 5% tấm hiện được chào bán ở mức khoảng 522 USD/tấn, tăng khoảng 9 USD/tấn so với tuần trước, tăng khoảng 17 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 22 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Argentina, giá gạo 5% tấm của hiện ở mức khoảng 445 USD/tấn, không đổi so với tuần trước, tăng khoảng 10 USD/tấn so với tháng trước nhưng giảm khoảng 47 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Brazil, giá gạo 5% tấm của hiện ở mức khoảng 517 USD/tấn, tăng khoảng 7 USD/tấn so với tuần trước, tăng khoảng 10 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 12 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Brazil đang tăng cường chuẩn bị ứng phó với thời tiết cực đoan khi Cơ quan Khí quyển và Đại dương Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA) dự báo xác suất 81% xảy ra điều kiện El Niño mạnh trong giai đoạn tháng 10–12/2026, cùng với 97% khả năng hiện tượng này kéo dài sang đầu năm 2027.

Tác động dự kiến sẽ khác nhau giữa các khu vực. Miền Nam Brazil có nguy cơ cao hơn về mưa lớn, lũ lụt và sạt lở đất, trong khi miền Bắc và Đông Bắc có thể đối mặt với hạn hán và cháy rừng nghiêm trọng hơn. Các khu vực miền Trung có nguy cơ xảy ra nhiều đợt nắng nóng và độ ẩm thấp hơn.

Bang Rio Grande do Sul, nơi vẫn đang phục hồi sau các trận lũ năm 2024, đã tăng cường hệ thống giám sát và chuẩn bị ứng phó thiên tai. Các bang khác cũng đang đẩy mạnh công tác chuẩn bị.

Ở cấp liên bang, Brazil đã phân bổ 337,5 triệu real cho công tác ứng phó khí hậu và thiên tai, trong đó có nguồn kinh phí đáng kể dành cho Ibama và ICMBio nhằm tăng cường phòng ngừa và ứng phó cháy rừng.

Hoa Kỳ

Giá gạo 4% tấm của Hoa Kỳ hiện được chào bán ở mức khoảng 573 USD/tấn, tăng khoảng 28 USD/tấn so với tuần trước và tăng khoảng 38 USD/tấn so với tháng trước, nhưng giảm khoảng 62 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) cho biết lượng bán ròng gạo xuất khẩu của Mỹ trong niên vụ 2026/27 đạt 152.200 tấn trong tuần kết thúc ngày 6/8, dẫn đầu là các đơn hàng từ Mexico (66.900 tấn), Nhật Bản (25.000 tấn), Colombia (5.000 tấn), Haiti (13.500 tấn), Canada (12.500 tấn). Các nhà xuất khẩu gạo Mỹ cũng đã giao 67.500 tấn, trong đó các thị trường nhận hàng lớn nhất gồm: Vương quốc Anh (10.000 tấn), Honduras (5.900 tấn), El Salvador (5.500 tấn), Canada (1.500 tấn), Saudi Arabia (1.400 tấn).

Liên minh châu Âu

Châu Âu đang trải qua đợt nắng nóng lớn thứ 5 trong năm 2026, với nhiệt độ tại Pháp gần 40°C, gây áp lực lên nông nghiệp, nguồn nước và năng lượng.

Mực nước sông Rhine, Po và Danube xuống thấp, ảnh hưởng vận tải đường thủy, công nghiệp và tưới tiêu; giá điện tại Pháp và Đức có thời điểm vượt 170 EUR/MWh.

Italy, nước sản xuất gạo lớn nhất châu Âu với khoảng 235.000 ha, đang chịu ảnh hưởng nghiêm trọng. Vùng Pavia, Vercelli và Novara thiếu nước, phải luân phiên tưới và một số nông dân bỏ một phần diện tích.

Sông Po xuống mức thấp kỷ lục, làm tăng rủi ro cho nông nghiệp, thủy điện và công nghiệp; nước mặn đã xâm nhập hơn 25 km vào đất liền.

Ngành lúa gạo Pavia có thể thiệt hại hơn 100 triệu EUR do hạn hán, chi phí sản xuất tăng và giá lúa giảm.

Triển vọng dài hạn đang thúc đẩy Italy xem xét tăng trữ nước, ngập ruộng mùa đông, sử dụng ruộng lúa làm hồ chứa tự nhiên và áp dụng tưới tiêu tiết kiệm nước.

Châu Phi

Nhật Bản đã hỗ trợ **Nigeria** khoản viện trợ 3,5 triệu USD nhằm tăng cường sản xuất giống lúa, nâng cao năng suất nông nghiệp và hỗ trợ an ninh lương thực.

Dự án do Viện Nghiên cứu Ngũ cốc Quốc gia tại bang Niger triển khai, sẽ sản xuất các loại hạt giống bố mẹ và giống nền chất lượng cao, đồng thời cung cấp máy kéo, máy cấy lúa, máy gặt, máy sấy và thiết bị kiểm nghiệm hạt giống.

Nhật Bản cũng sẽ cung cấp đào tạo kỹ thuật và hỗ trợ thể chế nhằm bảo đảm thiết bị được sử dụng và bảo dưỡng đúng cách.

Sáng kiến này hỗ trợ chiến lược phát triển ngành lúa gạo Nigeria giai đoạn 2020–2030, với mục tiêu tăng gấp đôi sản lượng gạo trong nước vào năm 2030. Nguồn giống ổn định, chất lượng cao được xem là một trong những điều kiện then chốt để cải thiện năng suất và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nội địa ngày càng tăng.

Nigeria đang mở rộng năng lực chế biến gạo trong nước, thể hiện qua việc đưa vào hoạt động một nhà máy xay xát công suất 400 tấn/ngày tại bang Kano. Tuy nhiên, quốc gia này vẫn được dự báo phải đối mặt với thâm hụt nguồn cung gạo khoảng 3,5 triệu tấn.

Mặc dù đầu tư vào hệ thống xay xát trong nước đang tăng lên, nhập khẩu nhiều khả năng vẫn đóng vai trò quan trọng do khoảng cách giữa sản lượng và tiêu thụ. Tuy nhiên, số liệu nhập khẩu chính thức chịu ảnh hưởng bởi dòng hàng hóa qua biên giới và hoạt động buôn lậu.

Khi năng lực chế biến tiếp tục mở rộng, nhu cầu nhập khẩu của Nigeria có thể ngày càng chuyển sang lúa nguyên liệu (paddy) và gạo xay xát có giá cạnh tranh, trong khi quy mô dân số và nhu cầu tiêu dùng lớn tiếp tục khiến Nigeria trở thành một thị trường quan trọng đối với các nhà cung cấp gạo toàn cầu.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tấm 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 362 USD/tấn, ít biến động so với tuần trước, tăng 7 USD/tấn so với tháng trước, giảm 15 USD/tấn so với cùng kỳ.

Thị trường gạo phi basmati và basmati kết thúc tuần ngày 14/8 biến động nhẹ. Giá gạo trắng tăng nhẹ nhờ nhu cầu duy trì ổn định. Thị trường gạo đỏ 5% giảm nhẹ khi các nhà xuất khẩu hạ giá chào để đáp ứng nhu cầu trên thị trường quốc tế.

Dự kiến nhu cầu mua gạo giao tháng 9/2026 sẽ tăng trở lại nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong dịp lễ Giáng sinh sắp tới.

Thái Lan

Giá gạo trắng 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 450 USD/tấn, giảm 2 USD/tấn so với tuần trước, giảm 12 USD/tấn so với tháng trước và tăng 91 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường cho biết hoạt động xuất khẩu đang có dấu hiệu phục hồi, với nhu cầu từ các thị trường châu Phi duy trì tích cực, các thị trường ASEAN tiếp tục ghi nhận nhu cầu ổn định, một phần do các nước tăng cường dự trữ trước tác động của El Nino.

Theo số liệu sơ bộ từ Cục Ngoại thương (DFT), lượng gạo xuất khẩu trong tháng 7/2026 ước đạt 480 ngàn tấn, giảm 11,8% so với tháng 6/2026 và giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2026 ước đạt 3,76 triệu tấn, giảm khoảng 12,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Pakistan

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 403 USD/tấn, ít biến động so với tuần trước, giảm 9 USD/tấn so với tháng trước và tăng 29 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu sơ bộ từ Cơ quan Thống kê (PBS), lượng gạo xuất khẩu trong tháng 7/2026 ước đạt 346 ngàn tấn, giảm 4,6% so với tháng 6/2026 nhưng tăng khoảng 18% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế xuất khẩu gạo 7 tháng đầu năm 2026 ước đạt 2,815 triệu tấn, giảm 7,3% so với cùng kỳ năm trước.

Campuchia

Theo thông báo của Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản được đưa ra ngày 13/8, hơn 250.000 ha diện tích trồng lúa đã bị ảnh hưởng bởi hạn hán trong những tháng gần đây. Hiện nay, 95% tổng diện tích diện tích lúa bị ảnh hưởng bởi hạn hán đã được phục hồi kịp thời (khoảng 237.500 ha), phần còn lại bị thiệt hại hoàn toàn (khoảng 12.500 ha).

Miền Điện

Thị trường tuần qua ghi nhận giá gạo trắng 5% tám đã tăng lên mức cao nhất trong gần hai năm do thiếu hụt nguồn cung vào cuối vụ và nhu cầu ổn định từ Philippines. Theo Liên đoàn Gạo Miền Điện (MRF), nước này đã xuất khẩu

126.416 tấn gạo sang Philippines trong tháng 7/2026, chiếm khoảng 74,3% tổng lượng gạo xuất khẩu của cả nước. Tuy nhiên, các thương nhân cho biết Philippines hiện chưa cấp thêm giấy phép kiểm dịch thực vật và vệ sinh an toàn thực phẩm (SPSIC) mới. Do đó, các nhà xuất khẩu hiện ký hợp đồng dựa trên các giấy phép đã được cấp trước đây, qua đó duy trì nhu cầu từ những khách hàng đang có giấy phép.

Giá gạo tại thị trường nội địa tiếp tục tăng dẫn đến biên lợi nhuận của các nhà xuất khẩu bị thu hẹp đáng kể.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	11 - 08	12 - 08	13 - 08	14 - 08	17 - 08
Trung Quốc (CNY/USD)	6,75	6,75	6,74	6,74	6,74
Châu Âu (EUR/USD)	0,87	0,87	0,87	0,87	0,87
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	17.771,65	17.832,27	17.860,31	17.864,89	17.840,42
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,09	4,09	4,09	4,09	4,09
Philippines Peso (PHP/USD)	60,75	61,24	61,23	61,35	61,45
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.417,71	1.412,92	1.416,59	1.418,03	1.416,69
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	158,93	159,27	159,23	159,36	159,34
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	95,37	95,41	95,39	95,41	95,44
Miến Điện (MMK/USD)	2.099,44	2.099,94	2.099,85	2.099,41	2.099,79
Pakistan Rupees (PKR/USD)	277,65	277,49	277,73	277,55	277,48
Thái Lan Baht (THB/USD)	33,01	33,14	33,08	33,19	33,05
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.154,06	26.135,32	26.072,51	26.077,69	26.146,38

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

**** Tiến độ sản xuất:***

Tính đến ngày 17/08/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống với diện tích 1,243 triệu ha, đã thu hoạch được khoảng 527 ngàn tấn với năng suất khoảng 61,68 tạ/ha, sản lượng ước đạt 3,25 triệu tấn lúa.

Vụ Thu Đông 2026 đã xuống giống 307 ngàn ha/640 ngàn ha diện tích kế hoạch, đạt gần 48%.

II. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/08 – 17/08/2026 có 09 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Thới xếp hàng với số lượng dự kiến 72.200 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Quang Minh 6	HCM	27/07/2026	4,500	Malaysia
2	Phú An 368	HCM	28/07/2026	4,750	Malaysia
3	Nova	HCM	29/07/2026	48,000	Châu phi
4	Phú An 289	HCM	30/07/2026	5,000	Philippines
5	New Xa La	HCM	04/08/2026	4,100	Malaysia
6	Hoàng Phụng Vigor	HCM	05/08/2026	4,750	Malaysia
7	Lucky Star 6	HCM	08/08/2026	7,300	Philippines
8	Phúc Thuận 289	HCM	10/08/2026	6,000	Philippines
9	Royal 18	HCM	10/08/2026	5,000	Malaysia
10	Vinh 02	HCM	11/08/2026	4,900	Malaysia
11	Thái Bình 38	HCM	15/08/2026	5,000	Philippines
12	Cetus Spade	HCM	16/08/2026	32,000	Châu phi
13	Vinh Quang Glory	Mỹ Thới	16/08/2026	3,150	Malaysia
Tổng				134.450	

III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	13/08	+/-	13/08	+/-	13/08	+/-	13/08	+/-	13/08	+/-	13/08	+/-	13/08	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	6.550	100	6.500	100	6.475	-75	6.500	-50	6.800	-	6.920	70	6.950	100	6.950	6.671
Lúa thường	6.450	-100	6.200	-	6.250	-100	6.200	-	6.225	25	6.450	-100	6.350	-	6.450	6.304
<u>Lúa Khô/Ướt Tại Kho</u>																
Hạt dài	7.950	100	7.900	50	7.900	-100	7.950	-100	8.750	-			8.950	100	8.950	8.233
Lúa thường	7.750	100	7.550	-	7.450	-100	7.450	-100	8.200	-			8.350	-	8.350	7.792
<u>Gao Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	9.900	50	10.250	-	10.275	75	10.275	125	10.250	-25			10.650	-	10.650	10.267
Lứt loại 2	9.800	50	9.650	-	9.950	125	9.950	150	9.950	100	9.975	125	9.850	100	9.975	9.875
Xát trắng loại 1			11.550	-			11.400	300	11.300	75	11.650	-200	11.650	-200	11.650	11.510
Xát trắng loại 2			10.750	-			11.050	200	10.850	-	10.950	100	10.750	-	11.050	10.870
<u>Phụ Phẩm</u>																
Tấm 1/2	8.150	-	8.550	-	8.550	-50	8.600	-	8.750	125	8.750	125	8.750	200	8.750	8.586
Tấm 2/3			8.350	-	8.550	-50			8.525	150			8.250	100	8.550	8.419
Tấm 3/4	7.850	-	8.350	-	8.550	100							8.250		8.550	8.250
Cám xát	7.250	-300	7.550	-250	7.350	-325	7.500	-300	7.425	-425	7.550	-300	7.550	-300	7.550	7.454
Cám lau	7.250	-300	7.450	-300	7.350	-325	7.500	-300	7.425	-425	7.650	-300	7.650	-300	7.650	7.468
<u>Gao TPXK Không Bao Tại Man</u>																
5%	11.600	200	11.050	50	11.600	100	11.500	200	11.250	50	11.600	100	11.250	100	11.600	11.407
10%			10.950	50					10.700	-			11.150		11.150	10.933
15%	11.400	200	10.850	50	11.400	100	11.300	200	10.500	-	11.400	100	10.950	100	11.400	11.114
20%									10.200	-					10.200	10.200
25%	11.200	200	10.250	50	11.200	100	11.100	200	9.900	-	11.200	100	10.650	100	11.200	10.786
